

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển kinh tế tập thể
giai đoạn 2021-2030 lĩnh vực ngành công thương

Căn cứ Công văn số 357/SKHĐT-THKTKG ngày 12/3/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, về việc Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030.

Sở Công Thương Trà Vinh xây dựng Kế hoạch Chiến lược phát triển kinh tế tập thể lĩnh vực ngành công thương giai đoạn 2021 - 2030 với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT)
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT) GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Tình hình chung

Nhìn chung, kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực công thương giai đoạn 2011 -2020 có bước phát triển, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa phương; quy mô, hình thức, nội dung hoạt động của một số hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng được mở rộng với nhiều loại hình hợp tác phong phú, đa dạng; chất lượng hoạt động của nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã khá tốt, bước đầu có những đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tạo việc làm cho người lao động;

Các chương trình, mục tiêu về kinh tế - xã hội và một số cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương đóng vai trò quan trọng cho việc thực hiện đổi mới, phát triển kinh tế tập thể của tỉnh. Đặc biệt là việc khuyến khích thành lập mới hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm mục đích huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ trong khu vực kinh tế tập thể, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như thành viên, đóng góp phúc lợi cho xã hội, tăng cường tình đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hợp tác xã, tổ hợp tác vẫn giữ phương thức bán hàng truyền thống, chưa chú trọng thiết kế kiểu dáng, mẫu mã, bao bì đẹp nên khả năng cạnh tranh còn nhiều hạn chế, tốc độ tăng trưởng chậm; liên kết, hợp tác giữa các HTX còn yếu, hầu hết các HTX đều khó khăn về vốn và tiếp cận

nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước, vốn vay tín dụng. Nhiều HTX còn lúng túng trong định hướng hoạt động và đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó với nhau, với cộng đồng doanh nghiệp, chưa có sự liên kết hệ thống chặt chẽ cả về kinh tế, xã hội và tổ chức. Các HTX đều khó khăn về mặt bằng sản xuất. Nhiều HTX chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký được hợp đồng thuê đất lâu dài, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên không thể xây dựng nhà xưởng để ổn định và đầu tư phát triển.

1.1. Về Tổ hợp tác (THT)

Năm 2011 lĩnh vực công thương có 62 tổ hợp tác TTCN, có 1.463 thành viên, doanh thu bình quân một tổ hợp tác khoảng 600 triệu đồng, lợi nhuận bình quân khoảng 240 triệu đồng. Ước thực hiện đến cuối năm 2020, lĩnh vực công thương hiện có 65 tổ hợp tác (trong đó, có 32 THT đan lát từ tre, trúc, lác, lục bình; 06 THT dệt chiếu lát, se chỉ; 22 THT đóng giường tre các loại; 01 THT đan mê bánh tráng từ cọng lá dừa nước; 01 THT gia công cửa sắt; 01 THT đan bội; 02 THT may mặc), tăng so với năm 2011 là 03 tổ hợp tác, có 2.120 thành viên, doanh thu bình quân một tổ hợp tác khoảng 600-800 triệu đồng, lợi nhuận bình quân khoảng 80-90 triệu đồng, thu nhập bình quân của thành viên THT là 2-2,5 triệu đồng/tháng.

1.2. Hợp tác xã (HTX)

- Hợp tác xã: Năm 2011 lĩnh vực công thương có **25 hợp tác xã** (TTCN - Điện và Thương mại - Dịch vụ), có 394 xã viên, tổng vốn điều lệ 14,82 tỷ đồng giải quyết việc làm cho khoảng 1.455 lao động tại địa phương (lao động thường xuyên mới của hợp tác xã khoảng 250 lao động), doanh thu bình quân một hợp tác xã 2,124 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân một hợp tác xã 637,47 triệu đồng. Ước thực hiện đến cuối năm 2020, lĩnh vực công thương hiện có **24 hợp tác xã** (Trong đó, có 07 HTX tiểu thủ công nghiệp - điện, 15 Hợp tác xã thương mại - dịch vụ, 02 HTX điện), **giảm so với năm 2011 là 01 hợp tác xã (nguyên nhân chuyển đổi loại hình và giải thể)**, tổng vốn điều lệ 8,2 tỷ đồng, với 223 thành viên, giải quyết việc làm cho 643 lao động thường xuyên. Doanh thu bình quân của HTX là 2,5 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân là 82,5 triệu đồng. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX là 2,5-03 triệu đồng/tháng.

- Hiện nay, đã có 100% HTX lĩnh vực công thương đã chuyển đổi hoạt động theo luật HTX năm 2012. Nhìn chung, đa số HTX tiểu thủ công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn về vốn, cơ sở vật chất do vậy chưa chủ động sản xuất và chưa có thị trường riêng, chủ yếu gia công sản phẩm (đan lát, dệt chiếu, hàng thủ công mỹ nghệ, ...) cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh. Riêng các HTX điện hoạt động ổn định, cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất kinh doanh, dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn nông thôn.

3. Về trình độ cán bộ quản lý

Năm 2011, tổng số cán bộ quản lý hợp tác là 57 người (trong đó qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp là 05 người, qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học là 02 người). Đến tháng 5 năm 2020, cán bộ quản lý hợp tác qua đào tạo đạt trình

độ sơ, trung cấp là 02 người, qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học là 01 người. Ước thực hiện giai đoạn 2011 - 2020 tổng số cán bộ quản lý hợp tác là 80 người (trong đó qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp là 09 người, qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học là 04 người), chủ yếu là các hợp tác xã điện. Riêng lĩnh vực tổ hợp tác, phần lớn cán bộ quản lý tổ hợp tác không qua đào tạo, mà chỉ đúc kết từ kinh nghiệm thực tế để quản lý.

II. ĐÁNH GIÁ THEO LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp - điện:

- Hợp tác xã: Hiện có 24 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp - điện - thương mại, với 223 thành viên. Vốn điều lệ 8,2 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho khoảng 610 lao động tại địa phương (trong đó có 45 lao động là thành viên hợp tác xã), lợi nhuận bình quân/hợp tác xã 82,5 triệu đồng. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 2,5 - 3 triệu đồng/tháng. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm thường xuyên cho lao động tại địa phương. Tuy nhiên đa số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn, chưa tự sản xuất và có thị trường riêng, chủ yếu gia công sản phẩm (đan lát, dệt chiếu, hàng thủ công mỹ nghệ, ...) cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh. Riêng các hợp tác xã điện nông thôn hoạt động ổn định, cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất kinh doanh, dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn nông thôn.

- Tổ hợp tác: Hiện có 65 tổ hợp tác, với 2.120 thành viên, giải quyết việc làm cho khoảng 3.641 lao động tại địa phương (trong đó có 32 THT đan lát từ tre, trúc, lác, lục bình; 06 THT dệt chiếu lát, se chỉ; 22 THT đóng giường tre các loại; 01 THT đan mê bánh tráng từ cọng lá dừa nước; 01 THT gia công cửa sắt; 01 THT đan bội; 02 THT may mặc). Doanh thu trung bình/tổ hợp tác khoảng 600 - 800 triệu đồng, lợi nhuận bình quân/tổ hợp tác 80 - 90 triệu đồng. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 2 - 2,5 triệu đồng/tháng. Tổ hợp tác ở một số địa phương hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo thêm việc làm, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, tuy nhiên còn một số tổ hợp tác tổ chức chưa chặt chẽ, hoạt động tự phát và theo mùa vụ; tổ hợp tác còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thị trường, vốn vay. Số tổ hợp tác thành lập và đăng ký hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 30%);

2. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ: Hiện có 15 hợp tác xã hoạt động, với 35 thành viên. Vốn điều lệ 2,225 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho khoảng 28 lao động tại địa phương. Doanh thu trung bình/hợp tác xã khoảng 300 triệu đồng, lợi nhuận bình quân/hợp tác xã 50 triệu đồng. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 36 triệu đồng/năm.

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thuận lợi

- Nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức tốt hoạt động hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguyên liệu đầu vào,...các hợp tác xã, tổ hợp tác chủ

động liên kết với doanh nghiệp để tìm đầu ra, liên kết sản xuất. Các hợp tác, tổ hợp tác đã tạo động lực thúc đẩy kinh tế tập thể ngày càng phát triển.

- Bên cạnh các hoạt động chủ yếu là phục vụ các nhu cầu kinh tế, đời sống của thành viên, tạo ra lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của xã hội và xuất khẩu.

- Ngoài ra, các hợp tác, tổ hợp tác góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội, góp phần đã bảo đảm an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới.

*** Nguyên nhân đạt được:**

- Được sự quan tâm của các cấp ngành, địa phương đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tập thể;

- Các hợp tác xã, tổ hợp tác nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn tìm hướng phát triển riêng cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và xu hướng chung của ngành, lĩnh vực.

- Do nhu cầu hợp tác để tồn tại và phát triển trong xu thế hội nhập là điều cần thiết cho hoạt động sản xuất của hợp tác xã ngày càng lon mạnh đáp ứng nhu cầu của thị trường.

2. Khó khăn, hạn chế:

Cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, công nghệ lạc hậu, việc ứng dụng máy móc, thiết bị, kỹ thuật tiên tiến còn hạn chế nên chất lượng sản phẩm chưa cao; Sự liên kết hợp tác của các hợp tác xã với nhau và giữa hợp tác xã với doanh nghiệp chưa được quan tâm; thiếu vốn nhưng không vay được vốn tại ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng do uy tín và hiệu quả tài chính thấp.

*** Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế:**

- Tuy nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi, ưu tiên phát triển kinh tế tập thể nhưng việc triển khai thực hiện còn chậm, thậm chí chưa thực hiện được do Hợp tác xã chưa hội đủ điều kiện để hỗ trợ.

- Cán bộ quản lý Hợp tác xã tuy có năng động, nhiệt tình nhưng đa phần trình độ năng lực quản lý điều hành còn hạn chế nên chưa định hướng phát triển phù hợp cho Hợp tác xã. Từ đó, hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao hoặc không có lãi.

- Các Hợp tác xã có quy mô nhỏ, thiếu vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chưa tiếp cận được các nguồn vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn vay khác vì không có tài sản thế chấp hoặc chưa có phương án sản xuất kinh doanh khả thi.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của các HTX nghèo nàn, nhiều HTX không có trụ sở riêng, phải nhờ vào trụ sở UBND xã, phường.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

1. Kết quả triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn

Thông qua các hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, Sở Công Thương đã chỉ đạo Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại giai đoạn 2011 - 2020 đã lồng ghép tổ chức 06 cuộc tuyên truyền phổ biến các chính sách có liên quan hỗ trợ hợp tác xã và các văn bản có liên quan đến phát triển kinh tế tập thể cho trên 100 cán bộ của hợp tác xã, tổ hợp tác. Bên cạnh đó, phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh xây dựng Chuyên mục khuyến công và Bản tin công thương hàng quý (trong đó có lồng ghép tin kinh tế tập thể), nhằm tuyên truyền rộng rãi những chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể kinh doanh có hiệu quả trong và ngoài tỉnh.

2. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 44/2002/QĐ-UBT ngày 26 tháng 8 năm 2002 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX; Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2013 thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 21 ngày 02 năm 2013 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX “về tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế tập thể” đã đưa ra những giải pháp để phát triển kinh tế tập thể; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 23/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển kinh tế tập thể tỉnh Trà Vinh 05 năm (2016-2020); Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/9/2015 UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Trên cơ sở đó, Sở Công Thương đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch của ngành có lồng ghép các chương trình hỗ trợ lĩnh vực Hợp tác xã về xúc tiến thương mại, truyền nghề, hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, tham quan học tập kinh nghiệm, kết nối thị trường,... đồng thời phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho thành viên Hợp tác xã và thành lập mới các tổ chức kinh tế tập thể. Ngoài ra, thường xuyên tạo điều kiện cho công chức tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về kinh tế tập thể nhằm nâng cao năng lực cán bộ phụ trách theo dõi lĩnh vực kinh tế tập thể nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về HTX lĩnh vực ngành Công thương theo tinh thần Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX 2012.

- Từ khi chuyển đổi và hoạt động theo luật, nhìn chung kinh tế tập thể, HTX được củng cố, bộ máy tổ chức gọn nhẹ, quyền làm chủ của thành viên được phát huy. Mô hình tổ chức HTX được sắp xếp lại theo hướng linh hoạt và đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thành viên và hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi Hợp tác xã, Tổ Hợp tác

Nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển, trong giai đoạn 2011 - 2020, từ nguồn kinh phí khuyến công và xúc tiến thương mại, Sở Công Thương đã tổ chức triển khai hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác một số nội dung cụ thể như sau:

- Về hoạt động truyền nghề, nâng cao tay nghề: Hỗ trợ tổ chức truyền nghề, nâng cao tay nghề 29 lớp truyền nghề và đào tạo nghề cho 838 lao động với tổng kinh phí thực hiện là 182,260 triệu đồng. Sau khi kết thúc các lớp truyền nghề, hầu hết các lao động đều tự làm ra các sản phẩm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của đơn vị thu mua.

- Về hỗ trợ ứng dụng, máy móc thiết bị: Hỗ trợ 05 lượt hợp tác xã, tổ hợp tác ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong nghề thủ công mỹ nghệ, chế biến thực phẩm, sơ chế nông sản với tổng kinh phí hỗ trợ 263 triệu đồng. Giúp các HTX, THT đổi mới các trang thiết bị, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm để mang lại hiệu quả kinh doanh.

- Tổ chức 10 lớp tập huấn: tạo điều kiện cho 47 lượt người là thành viên HTX, THT kinh doanh lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông sản, thủ công mỹ nghệ trong tỉnh tham gia.

- Về tư vấn: Tư vấn xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký nhãn hiệu độc quyền; mã vạch, mã QR; tư vấn lập dự án; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; đa dạng hóa các sản phẩm; an toàn vệ sinh thực phẩm... cho hơn 42 lượt Hợp tác xã, Tổ Hợp tác trên địa bàn tỉnh.

- Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: Hoạt động xúc tiến thương mại được tăng cường, cải tiến về chất lượng, nội dung và hình thức, đã mang lại nhiều kết quả trong việc hỗ trợ cho các cơ sở, doanh nghiệp, HTX, THT và bà con nông dân trong tỉnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ và ký kết nhiều hợp đồng, bản ghi nhớ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thông qua việc tổ chức và tham gia các kì hội chợ, các cuộc kết nối, các phiên chợ. Giai đoạn từ 2011 - 2020, Sở Công Thương chỉ đạo tổ chức thực hiện hỗ trợ HTX như sau:

+ Công tác hỗ trợ kết nối, tìm kiếm thị trường tiêu thụ: Tổ chức cho 41 lượt người là thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác kết nối thị trường, học tập kinh nghiệm mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, liên kết tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm máy móc thiết bị tiên tiến tại các tỉnh: Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Phước, Long An, An Giang, các tỉnh miền Trung.

+ Công tác tham gia Hội chợ ngoài tỉnh: Hỗ trợ cho hơn 52 lượt HTX, THT sản xuất, kinh doanh chế biến, nông lâm thủy sản, thủ công mỹ nghệ trong tỉnh tham gia trưng bày, quảng bá thương hiệu sản phẩm tại các kỳ Hội chợ: Hội chợ triển lãm Công nghiệp - Nông nghiệp - TM Quốc tế Tây Nam Bộ tại Kiên Giang (2011); Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao tại An Giang (2011); Hội chợ triển lãm làng nghề - công nghiệp - TM - Khu vực Đông Nam Bộ tại Đồng Nai (2011); Hỗ trợ 50% thuê gian hàng "Hàng Việt Nam chất lượng cao" tại An Giang (2012); Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao tại An Giang (2013); Tham gia Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Nam lần thứ IV tại Long An (2014); Hội chợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía Nam tại Bình Dương (2016); Hội chợ SPCNNTTB các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam tại Bến Tre (2016); Hội Chợ Tôn Vinh hàng Việt tại

TP.HCM (2017); Hội chợ triển lãm SPCNNTTB các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam năm 2018 tại Đồng Tháp (2018).

+ Công tác tổ chức Hội chợ trong tỉnh: Hỗ trợ cho khoảng 44 HTX, THT sản xuất, kinh doanh các mặt hàng chế biến, nông lâm thủy sản, thủ công mỹ nghệ trong tỉnh trưng bày, quảng bá thương hiệu sản phẩm tại: Hội chợ triển lãm Thương mại du lịch gắn liền với lễ hội OK - OM - BOK tỉnh Trà Vinh năm 2011; Hội chợ thương mại - triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh năm 2017...Đồng thời, tạo điều kiện cho hơn 39 HTX, THT trưng bày sản phẩm và kết nối thị trường tại Hội nghị kết nối cung nằm trong khuôn khổ Hội chợ.

Qua các hoạt động hỗ trợ nêu trên, nhằm giúp các HTX, THT tác mở rộng sản xuất, có thị trường tiêu thụ ổn định, giải quyết việc làm, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Phát triển kinh tế tập thể (KTTT) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được xác định nhất quán và xuyên suốt tại các nghị quyết Đại hội Đảng. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy, mặc dù đã có sự chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả bước đầu đáng khích lệ, nhưng sự phát triển của khu vực KTTT, hợp tác xã (HTX) vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, khu vực KTTT, HTX có nhiều cơ hội phát triển, song cũng đối diện với nhiều thách thức đòi hỏi Nhà nước, cũng như cộng đồng HTX phải có một tư duy mới, cách nhìn mới và có các giải pháp nhằm phát triển HTX một cách bền vững. Trong đó, việc phát triển của khu vực HTX phải dựa trên các giá trị cốt lõi sau:

- HTX là thể chế không thể thiếu được để phát triển đất nước hài hoà về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, là tất yếu đối với việc thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân, cá thể, đáp ứng các nhu cầu phong phú của đời sống cộng đồng theo các nguyên tắc HTX.

- HTX thực sự là một tổ chức tự nguyện của thành viên, dựa trên nền tảng thành viên, kinh tế thành viên, một mặt khuyến khích hợp tác giữa thành viên theo tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau cùng phát triển, mặt khác tôn trọng cá nhân thành viên, phát huy cao vai trò cá nhân của thành viên, kinh tế thành viên HTX.

- HTX trước hết phải phục vụ phát triển kinh tế thành viên, mang lại lợi ích kinh tế thiết thực cho thành viên. HTX và kinh tế thành viên là hai thể chế độc lập, nhưng gắn kết với nhau, cùng phát triển. Với chức năng cung cấp dịch vụ phục vụ đời sống thành viên, đời sống cộng đồng, HTX có vai trò xã hội quan

trọng trong việc góp phần cải thiện đời sống thành viên và gia đình họ, gắn kết các thành viên HTX thành cộng đồng chặt chẽ toàn diện về các mặt, gắn liền cộng đồng thành viên với cộng đồng dân cư tại địa phương.

- Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển HTX thông qua tạo khung khổ pháp luật, ban hành chính sách hỗ trợ HTX, đảm bảo HTX thực hiện được tốt các mục tiêu kinh tế, chính trị và xã hội quan trọng của mình. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước không mang tính bao cấp, mà chỉ mang tính tạo đà cho HTX tự phát triển. Nhà nước không can thiệp vào hoạt động của HTX.

Thực tiễn phát triển, cũng như nhiều nghiên cứu gần đây trên thế giới về HTX cho thấy, khu vực HTX trong thời đại công nghiệp 4.0 và trong thời đại toàn cầu hoá không những không giảm đi, ngược lại còn tăng lên. Khu vực này một mặt cần phải tự thay đổi thích nghi với điều kiện mới, mặt khác cần đảm nhận thêm các chức năng mới trong một nền kinh tế và một xã hội được toàn cầu hoá không chỉ có cơ hội mà còn có nhiều thách thức mới, to lớn, nhất là về mặt xã hội và môi trường.

II. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện có hiệu quả các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Trà Vinh, về việc Xây dựng và phát triển kinh tế tập thể tỉnh Trà Vinh năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống.

- Hợp tác xã, tổ hợp tác của tỉnh phải hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế, đa dạng hóa ngành nghề, từng bước xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; thu hút ngày càng nhiều thành viên tham gia; đẩy mạnh việc củng cố, đổi mới, nâng cao hiệu quả, mở rộng quy mô hoạt động trên cơ sở phát huy nội lực, mở rộng liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác; góp phần tích cực xóa đói giảm nghèo một cách bền vững và tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao tinh thần hợp tác của thành viên và cộng đồng dân cư địa phương, phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế của tỉnh. Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi; hợp tác và phát triển cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu duy trì số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Doanh thu bình quân của Hợp tác xã, Tổ hợp tác tăng khoảng 7% so với doanh thu bình quân giai đoạn 2011 - 2020.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong Hợp tác xã, Tổ hợp tác đạt từ 4 - 4,5 triệu đồng/tháng.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp: đạt 30% trên tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học: đạt 20% trên tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể sâu rộng trong xã hội; tập trung vận động, thành lập mới các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động theo quy định của pháp luật đi đôi với việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động.

- Định hướng và tuyên truyền cho các hợp tác xã hoạt động đa ngành, đa nghề, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cho các HTX, tổ hợp tác.

- Phát triển kinh tế tập thể là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài; phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể để kinh tế tập thể cùng với kinh tế Nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Khuyến khích xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã trên từng lĩnh vực ngành. Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ hợp tác, hợp tác xã hiện có nhằm tích cực đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh; góp phần tạo việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa các tổ hợp tác, hợp tác xã với nhau; giữa tổ hợp tác, hợp tác xã với các thành phần kinh tế để ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, tiêu thụ nông sản và các sản phẩm khác, nâng dần năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”; Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương và kế

hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế tập thể cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của hợp tác xã, tổ hợp tác; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Rà soát, đánh giá, phân loại các hợp tác xã; xây dựng phương án tổ chức sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả.

II. HOÀN THIỆN KHUNG KHỔ PHÁP LÝ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Chính sách khuyến công

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã: Các chức danh trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kế toán và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của hợp tác xã khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng hoặc đào tạo được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí theo quy định;

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức truyền nghề cho cho hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm tăng thêm lao động và giải quyết việc cho người lao động.

- Tư vấn cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trong việc ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến mới phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng và hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư; Tư vấn xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, lập kế hoạch kinh doanh, thuế,...; Kết nối thị trường tìm đầu ra cho sản phẩm; tham quan, học tập các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả trong và ngoài nước;...

2. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác tiếp cận và ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh có hoạt động liên quan đến hoạt động của hợp tác xã để tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn quy trình kỹ thuật và thu mua nông sản.

- Đẩy mạnh liên kết hợp tác Hợp tác xã, Tổ hợp tác với doanh nghiệp nhằm bao tiêu đầu ra cho sản phẩm của thành viên

- Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các Sở, Ban, ngành tỉnh thực hiện nhiệm vụ như sau:

+ Xây dựng mô hình hợp tác xã sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, thực phẩm; các sản phẩm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu.

+ Nghiên cứu triển khai các biện pháp hỗ trợ, xây dựng chương trình xúc tiến thương mại hàng năm cho các hợp tác xã; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu sản phẩm cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hỗ trợ các hợp tác xã tham gia hội chợ để giới thiệu, quảng bá thương hiệu, sản phẩm với thị trường trong và ngoài nước.

III. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TẬP THỂ

Nâng cao năng lực cán bộ phụ trách theo dõi lĩnh vực kinh tế tập thể nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về Hợp tác xã, Tổ hợp tác lĩnh vực Công Thương theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Ban chấp hành Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và quy định của Luật hợp tác xã. Xây dựng mô hình kinh tế tập thể phù hợp với ngành, nghề, địa phương.

IV. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

- Nâng cao năng lực cán bộ phụ trách theo dõi nhằm lĩnh vực kinh tế tập thể nhằm thực hiện có hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác xã, tổ hợp tác lĩnh vực ngành công thương theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và quy định của Luật Hợp tác xã.

- Xây dựng mô hình kinh tế tập thể phù hợp với ngành, nghề, địa phương.

- Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các Sở, ngành liên quan rà soát đánh giá thực trạng kinh tế tập thể của ngành Công Thương. Xây dựng kế hoạch cụ thể để tập trung củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã hiện có; đồng thời tích cực củng cố các hợp tác xã hoạt động yếu kém.

V. HUY ĐỘNG CÁC LỰC LƯỢNG XÃ HỘI, CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ THAM GIA THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

Huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế tập thể; khuyến khích, tạo điều kiện để các hợp tác xã, tổ hợp tác và các thành phần kinh tế khác đầu tư vào hợp tác xã đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh. Đồng thời, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể của ngành công thương tham gia thúc đẩy thành lập mới hợp tác xã, tổ hợp tác. Tăng cường tuyên truyền, vận động để tập trung các nguồn lực của ngành và địa phương tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2030, Sở Công Thương kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLCN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Minh Cẩm

Phụ lục 1: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Ước thực hiện 2020	Ước thực hiện GD 2011 - 2020
I	Hợp tác xã												
1	Tổng số HTX	HTX	25	26	28	22	14	16	16	21	17	24	209
	<i>Trong đó:</i>												
	Số HTX thành lập mới	HTX		01	02	0	0	02	02	05		07	19
	Chuyển đổi (loại hình và ngành nghề KD)	HTX				03	03				04		10
	Số HTX giải thể và ngưng hoạt động	HTX				03	04	06					13
2	Tổng số thành viên HTX	Người	394	403	279	216	125	131	131	269	223	223	
	<i>Trong đó:</i>												
	Số thành viên mới	Người	14		26	8	10						
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.455	1.458	1.046	969	863	597	810	643	643	643	
	<i>Trong đó:</i>												
	Số lao động thường xuyên mới	Người	205	225	250	280	300	320	480	643	345	345	
	Số lao động là thành viên HTX	Người	12	18	28	45	60		58	60			
4	Doanh thu bình quân một HTX	Tr.đồng/năm	2,124.90	2,231.15	2,337.00	2,446.00	2,600.00	2,212	2,236	2,500	2,500	2,500	
	<i>Trong đó:</i>												
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr.đồng/năm	154.69	149.37	155.23	158.54	172.57						
5	Lãi bình quân một HTX	Tr.đồng/năm	637.47	669.35	701.10	733.80	780.00	155	2,500	2,500	2,500	2,500	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/	14.40	18.00	21.60	27.60	30.00	35.16					

	của lao động thường xuyên trong HTX	năm											
7	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	57	64	71	75	80	40	46				
	<i>Trong đó:</i>												
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	5	2	0	0	2	22	27				
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	2	0	1	0	1	4	5				
II	Liên hiệp Hợp tác xã												
1	Tổng số Liên hiệp HTX	LH HTX	1	1	1	1	1						
	<i>Trong đó:</i>												
	Số Liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX											
	Số Liên hiệp HTX giải thể	LH HTX											
2	Tổng số HTX thành viên	HTX											
3	Tổng số lao động trong Liên hiệp HTX	Người											
III	Tổ hợp tác												
1	Tổng số THT	THT	62	30	30	31	34	33	65	65	65	65	
	<i>Trong đó:</i>												
	Số THT thành lập mới	THT	7				4						
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	4	7	7	7	12	33	65	65	65	65	
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	1,463	601	601	615	650	549	2,120	2,120	2,120	2,120	
	<i>Trong đó:</i>												
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	70			14	40						
3	Doanh thu bình quân một THT	Tr.đồng/năm	800.14	901.05	1,800.00	1,900.00	2,100.00	982.29	600	700	700	700	

4	Lãi bình quân một THT	Tr.đồng/ năm	240.04	270.32	540.00	570.00	630.00	102.12	80	85	85	85	
---	----------------------------------	-----------------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	----	----	----	----	--

**Phụ lục 2: SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC
PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Ước thực hiện 2020	Ước thực hiện 2011- 2020
1	Hợp tác xã												
	Tổng số HTX	HTX	25	26	28	22	14	16	16	21	17	24	209
	<i>Chia ra:</i>												
	HTX công nghiệp - TTCN	HTX	14	15	21	17	9	8	8	8	6	7	113
	HTX điện	HTX	7	7	2	2	3	2	2	2	2	2	31
	HTX thương mại	HTX	4	4	5	3	2	6	6	11	9	15	65
2	Liên hiệp Hợp tác xã												
	Tổng số Liên hiệp HTX	LH HTX	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10
	<i>Chia ra:</i>												
	Liên hiệp HTX công nghiệp - TTCN	LH HTX	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10
	Liên hiệp HTX thương mại	LH HTX											
3	Tổ hợp tác												
	Tổng số THT	THT	62	30	30	31	34	33	65	65	65	65	480
	<i>Chia ra:</i>												
	THT công nghiệp - TTCN	THT	62	30	30	31	34	33	65	65	65	65	480
	THT thương mại	THT											

Phụ lục 3: KẾT QUẢ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Ước thực hiện 2020	Ước thực hiện 2021-2020
1	Hỗ trợ thành lập mới												
	Số HTX được hỗ trợ	HTX											
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng											
	<i>Trong đó:</i>												
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng											
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng											
2	Hỗ trợ khuyến công												
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	6	14	15	4	5	6	7	7	7	7	78
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	50.479	81.565	86.815	202.895	48.600	55.950	74.250	74.800	97.800	197.600	970.754
	<i>Trong đó:</i>												
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	18.000										18.000
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	32.480	81.565	86.815	202.895	48.600	50.000	60.000	70.000	80.000	100.000	952.754
3	Hỗ trợ xúc tiến thương mại												
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	7	9	10	13	11	18	21	24	27	30	170
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	35.000	45.000	50.000	65.000	75.000	108.000	126.000	144.000	162.000	180.000	990.000
	<i>Trong đó:</i>												
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng				20.000		18.000	24.000	30.000	36.000	42.000	170.000
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	35.000	45.000	50.000	45.000	75.000	90.000	102.000	114.000	126.000	138.000	820.000
4	Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới												
	Số HTX được hỗ trợ	HTX											
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng											

	<i>Trong đó:</i>												
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng											
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng											
5	Hỗ trợ tuyên truyền về kinh tế tập thể												
	Số HTX được hỗ trợ	HTX											
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng											
	<i>Trong đó:</i>												
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng											
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng											

**Phụ lục 4: SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC
PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2011 - 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Mục tiêu KH 2021 - 2030
1	Hợp tác xã													
	Tổng số HTX	HTX	209	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	240
	<i>Chia ra:</i>													
	HTX công nghiệp - TTCN	HTX	113	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	70
	HTX điện	HTX	31	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	20
	HTX thương mại	HTX	65	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	150
2	Liên hiệp Hợp tác xã													
	Tổng số Liên hiệp HTX	LH HTX	10	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10
	<i>Chia ra:</i>													
	Liên hiệp HTX công nghiệp - TTCN	LH HTX	10	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10
	Liên hiệp HTX thương mại	LH HTX												
3	Tổ hợp tác													
	Tổng số THT	THT	480	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	650
	<i>Chia ra:</i>													
	THT công nghiệp - TTCN	THT	480	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	650
	THT thương mại	THT												

Phụ lục 5: KẾ HOẠCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH KH 2011 - 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Mục tiêu KH 2021 - 2030
1	Hỗ trợ thành lập mới													
	Số HTX được hỗ trợ	HTX												
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng												
	<i>Trong đó:</i>													
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng												
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng												
2	Hỗ trợ khuyến công													
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	78	8	8	8	8	8	8	8	8	8	10	82
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	970.754	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	150000	1.050.000
	<i>Trong đó:</i>													
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	18.000											
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	952.754	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	150000	1.050.000
3	Hỗ trợ xúc tiến thương mại													
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	170	7	9	11	13	15	17	18	21	22	25	158
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	990.000											
	<i>Trong đó:</i>													
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	170.000											
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	820.000											
4	Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới													
	Số HTX được hỗ trợ	HTX		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10

	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng		60.000	60.000	60.000	60.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	650.000
	<i>Trong đó:</i>													
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng												
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng		60.000	60.000	60.000	60.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	650.000